

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2023/DS-ST

Ngày 10-8-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Phương Trang

2. Bà Lê Thị Tý

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Tĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 032022DS ngày 05/01/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP T(T1)

Địa chỉ: số E, phố L, Phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: ông Đặng Chí B (văn bản ủy quyền số 1181/2022/UQ-TPB.NHCN.THN ngày 29/4/2022). (có mặt).

Địa chỉ: Lầu E, số C Hậu Giang, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Phạm Vũ Nguyên K, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

2.2. Bà Nguyễn Anh Đ, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số B đường C, khu phố G, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Chí B, ông Thạch Trung H trình bày:

Ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (sau đây gọi là Ngân hàng) theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 34/2019/HDTD/PMH/01 ký ngày 31/01/2019 (sau đây gọi là hợp đồng), loại tài sản thế chấp là xe ô tô Mercedes, vay với số tiền: 1.225.700.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích sử dụng vốn: số tiền 1.190.000.000 đồng thanh toán tiền mua xe tiêu dùng và số tiền 35.700.000 đồng thanh toán tiền mua bảo hiểm an tâm tín dụng.

Lãi suất: lãi suất trong hạn áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 31/01/2020 là: 8,2%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 31/01/2026 là lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,9 %/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/01 năm tính trên nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả.

Phí và chi phí: Trả nợ trước hạn trong hai năm đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân là: 3.5%. Trả nợ trước hạn trong năm thứ ba 2.5%. Trả nợ trước hạn từ năm thứ 4 trở đi là: miễn phí. Các loại phí khác. Áp dụng theo biểu phí khách hàng cá nhân của Ngân hàng ban hành từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể từ ngày 07/7/2021 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 34/2019/ HDTD/PMH/01 ký ngày 31/01/2019.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ trả cho Ngân hàng TMCP T2 tạm tính đến ngày 10/8/2023 là : nợ gốc 798.225.302 đồng, lãi trong hạn 165.976.699 đồng, lãi quá hạn 73.939.186 đồng, lãi chậm trả 15.384.703 đồng. Phí trả nợ trước hạn với số tiền 19.955.633 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ không trả nợ, trả nợ không đúng hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô Mercedes –Benz C200 (205042 R032P0), màu đen (197), biển kiểm soát: 51G -883.82, số khung RLMWF4CX4JV005300, số máy 27492031489391 của ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng, theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 34/2019/HDTD/PMH/01 ký ngày 31/01/2019 (tài sản này hiện nay ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ đang quản lý và sử dụng).

Bị đơn ông Phạm Vũ Nguyên K trình bày: ông có ký hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 34/2019/HDTD/PMH/01 ngày 31/01/2019. Số tiền gốc

hiện còn nợ là 817.133.324 đồng, lãi suất theo thỏa thuận. Xe ô tô Mercedes –Benz C200 (205042 R032P0), màu đen (197), biển kiểm soát: 51G -883.82 hiện nay vợ chồng ông đang quản lý và sử dụng nhưng do dịch bệnh kéo dài nên chưa có tiền trả lãi. Vợ chồng ông đề nghị được trả số tiền trên trong thời gian 07 tháng, hạn chót là tháng 02/2023.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Đặng Chí B là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP T3 cầu bị đơn trả số tiền tạm tính đến ngày 10/8/2023 nợ gốc là 798.225.302 đồng, lãi trong hạn là 165.976.699 đồng, lãi quá hạn là 73.939.186 đồng, lãi chậm trả là 15.384.703 đồng. Tổng cộng: 1.053.525.890 đồng. Rút yêu cầu buộc bị đơn trả phí trả nợ trước hạn là 19.955.633 đồng vì tại thời điểm hiện nay bị đơn thuộc vào trường hợp miễn phí trả nợ trước hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Yêu cầu bị đơn tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 34/2019/HDTD/PMH/01 ngày 31/01/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ không trả nợ, trả nợ không đúng hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô Mercedes –Benz C200 (205042 R032P0), màu đen (197), biển kiểm soát: 51G -883.82, số khung RLMWF4CX4JV005300, số máy 27492031489391 đứng tên Phạm Vũ Nguyên K để thu hồi nợ cho Ngân hàng, theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 34/2019/HDTD/PMH/01 ký ngày 31/01/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn trả phí trả nợ trước hạn là 19.955.633 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền tạm tính đến ngày 10/8/2023 nợ gốc là 798.225.302 đồng, lãi trong hạn là 165.976.699 đồng, lãi quá hạn là 73.939.186 đồng, lãi chậm trả là 15.384.703 đồng. Tổng cộng: 1.053.525.890 đồng. Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay kiêm thế chấp xe ô tô nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Thẩm quyền giải quyết: bị đơn cư trú tại số B đường C, khu phố G, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về tố tụng: ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông K và bà Đ vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Nội dung tranh chấp: Ngân hàng TMCP T4 và bà Nguyễn Anh Đ toán tổng số tiền là: 1.053.525.890 đồng (một tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng). Trong đó nợ gốc: 798.225.302 đồng (bảy trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm lẻ hai đồng), lãi trong hạn là 165.976.699 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng), lãi quá hạn 73.939.186 đồng (bảy mươi ba triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng), lãi chậm trả là: 15.384.703 đồng (mười lăm triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, bảy trăm lẻ hai đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 34/2019/HDTD/PMH/01 ký ngày 31/01/2019, về chủ thể Ngân hàng TMCP T5 cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ có đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[3.2] Xét, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 798.225.302 đồng (bảy trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm lẻ hai đồng): căn cứ vào hợp đồng, bản sao kê tính lãi và các tài liệu, chứng cứ khác kèm theo do Ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định ông K và bà Đ ký kết hợp đồng vay với số tiền 1.225.700.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông K và bà Đ đã trả trước thời hạn số tiền gốc 427.474.698 đồng, còn nợ số tiền là 798.225.302 đồng. Theo thỏa thuận tại mục 1.7 của hợp đồng thì kỳ trả nợ là 01 tháng 01 lần vào ngày 07, nhưng đến ngày 07/7/2021 ông K và Đ không thanh toán nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ông K cũng xác nhận khoản tiền nợ gốc và lãi do Ngân hàng yêu cầu khởi kiện là đúng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.3] Xét, số tiền nợ lãi:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...*”.

Về lãi suất trong hạn: theo thỏa thuận tại mục 1.10 và mục 1.11 tại Hợp đồng, lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 31/01/2020 là 8.2%/01 năm. Lãi suất áp dụng cho thời điểm tiếp theo cho đến ngày 31/01/2026 được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm khách hàng cá nhân 24 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.9%/01 năm. Đến ngày 10/8/2023 lãi suất trong hạn được áp dụng là 14.94%/01 năm.

Về lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại điểm b khoản 2.2 Điều 2 Điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô số 853/2018/QĐ-TPB.RB ngày 28/9/2018 bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả khi ông K và bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Về lãi chậm trả được thỏa thuận tại điểm c khoản 2.2 Điều 2 Điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô số 853/2018/QĐ-TPB.RB ngày 28/9/2018 bằng 10%/01 năm tính trên số dư lãi vay chậm tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng khi ông K và bà Đ không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại hợp đồng.

Như vậy, thỏa thuận trong hợp đồng về lãi suất giữa Ngân hàng với ông K và bà Đ phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Nguyên đơn đã cung cấp các Quyết định về việc ban hành các Biểu lãi suất huy động tiền gửi dành cho khách hàng cá nhân trước khi ký hợp đồng tín dụng nên ông K và bà Đ đã có thông tin về việc cho vay và lãi suất cho vay, đã được đảm bảo về quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Đối chiếu vào phiếu tính lãi thì nợ lãi trong hạn là 165.976.699 đồng; nợ lãi quá hạn là 73.939.186 đồng; nợ lãi chậm trả là 15.384.703 đồng. Lãi suất được tính và điều chỉnh theo từng thời kỳ, phù hợp với lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố đối với loại cho vay tương ứng các quy định của pháp luật. Đến nay bị đơn chưa thanh toán nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trên là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét, hợp đồng thế chấp tài sản: để bảo đảm cho khoản vay, ông K và bà Đ đã thế chấp tài sản là xe ô tô Mercedes –Benz C200 (205042 R032P0), màu đen (197), biển kiểm soát: 51G -883.82, số khung RLMWF4CX4JV005300, số máy 27492031489391. Việc thế chấp tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm (số đăng ký 1317211316) ngày 31/01/2019 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực thi hành đối với bên tham gia ký kết, các bên có quyền và nghĩa vụ phải thực hiện.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn trả tiền phí trả nợ trước hạn, việc không yêu cầu này hoàn toàn tự nguyện, có lợi cho bị đơn và phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[6]. Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí: Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền nợ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T6 của pháp luật. Ngân hàng TMCP T7 phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228, khoản 2 Điều 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T(T1).

Buộc Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP T8 số tiền tạm tính đến ngày 10/8/2023 là: 1.053.525.890 đồng (một tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng). Trong đó nợ gốc: 798.225.302 đồng (bảy trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm lẻ hai đồng), lãi trong hạn là 165.976.699 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng), lãi quá hạn 73.939.186 đồng (bảy mươi ba triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng), lãi chậm trả là: 15.384.703 đồng (mười lăm triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, bảy trăm lẻ ba đồng) phát sinh từ Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 34/2019/HDTD/PMH/01 ngày 31/01/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 34/2019/HDTD/PMH/01 ngày 31/01/2019.

Trường hợp ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ không trả nợ, trả nợ không đúng hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô Mercedes –Benz C200 (205042 R032P0), màu đen (197), biển kiểm soát: 51G -883.82, số khung RLMWF4CX4JV005300, số máy 27492031489391 đứng tên ông Phạm Vũ Nguyên K để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP T9 Hợp đồng cho vay kiêm thế

chấp xe ô tô số 34/2019/HDTD/PMH/01 ký ngày 31/01/2019. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T10 khi thanh toán hết khoản nợ.

2. Đình chỉ xét xử về việc Ngân hàng TMCP T không yêu cầu buộc ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ trả phí trả nợ trước hạn với số tiền 19.955.633 đồng (mười chín triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Vũ Nguyên K và bà Nguyễn Anh Đ phải chịu 43.605.777 đồng (bốn mươi ba triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP T(T1) số tiền 19.261.587 đồng (mười chín triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 33158 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các đương sự có mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm